

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 77/2015/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính tổng
hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....000.....

TP.HCM, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố báo cáo tài chính tổng hợp soát xét năm 2015 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/08/2015 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)
SƠN HÀ SÀI GÒN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch	
Ông Lê Vĩnh Sơn	Thành viên	
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2015
Ông Phùng Việt Điều	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nghiêm Phú Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Phú Quốc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thanh Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2015
Bà Lê Thị Thu Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2015
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Thanh Lan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nghiêm Phú Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Số: 461/2015/UHY ACA- BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 08 năm 2015, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.161.073.741	118.317.905.418
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	34.777.223.959	11.684.316.486
Tiền	111		14.777.223.959	11.684.316.486
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.382.466.318	50.580.020.905
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	51.591.127.441	41.239.970.921
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.030.921.176	9.172.197.039
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	3.200.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.400.969.798	1.647.370.464
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(1.840.552.097)	(1.479.517.519)
Hàng tồn kho	140	8	83.847.675.608	55.673.892.516
Hàng tồn kho	141		83.847.675.608	55.891.376.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(217.483.617)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.153.707.856	379.675.511
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	660.931.974	224.833.031
Thuế GTGT được khấu trừ	152		340.282.808	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	152.493.074	154.842.480
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.738.775.792	102.210.430.653
Các khoản phải thu dài hạn	210		589.068.000	388.770.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	589.068.000	388.770.000
Tài sản cố định	220		77.270.728.821	73.988.028.171
Tài sản cố định hữu hình	221	10	32.879.375.363	34.680.129.401
- Nguyên giá	222		49.728.285.596	49.568.427.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.848.910.233)	(14.888.297.915)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	11.006.224.762	5.495.345.800
- Nguyên giá	225		12.034.907.200	5.994.826.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.028.682.438)	(499.480.327)
Tài sản cố định vô hình	227	12	33.385.128.696	33.812.552.970
- Nguyên giá	228		37.035.560.444	37.035.560.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.650.431.748)	(3.223.007.474)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.517.093.700	25.072.093.700
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	33.517.093.700	25.072.093.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	5.000.000.000	1.159.256.000
Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	1.159.256.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.361.885.271	1.602.282.782
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.361.885.271	1.602.282.782
TỔNG TÀI SẢN	270		299.899.849.533	220.528.336.071

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		188.002.965.128	117.635.373.212
Nợ ngắn hạn	310		172.025.655.416	109.234.758.411
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	97.540.259.409	62.611.303.969
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.133.390.534	458.229.013
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.236.429.251	2.014.110.601
Phải trả người lao động	314		3.209.671.963	2.649.913.295
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.853.931.573	1.458.943.625
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.056.314.827	7.068.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	58.681.617.649	39.822.833.069
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		314.040.210	212.356.839
Nợ dài hạn	330		15.977.309.712	8.400.614.801
Phải trả dài hạn khác	337	18	268.200.000	238.100.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	15.709.109.712	8.162.514.801
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111.896.884.405	102.892.962.859
Vốn chủ sở hữu	410	20	111.896.884.405	102.892.962.859
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.884.241.266	1.274.141.037
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.012.643.139	21.618.821.822
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		23.931.231.781	10.408.337.146
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.081.411.358	11.210.484.676
TỔNG NGUỒN VỐN	440		299.899.849.533	220.528.336.071



Nghiêm Phú Hùng
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Ngô Thị Thanh Lan
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	262.653.858.034	209.617.604.752
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	9.566.700.250	1.038.824.742
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		253.087.157.784	208.578.780.010
Giá vốn hàng bán	11	23	201.646.578.156	178.871.386.704
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.440.579.628	29.707.393.306
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	203.138.948	26.464.017
Chi phí tài chính	22	25	2.473.206.963	1.948.744.978
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.462.258.200</i>	<i>1.948.744.978</i>
Chi phí bán hàng	25	26	25.040.969.364	14.298.911.344
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.076.366.569	7.112.119.787
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.053.175.680	6.374.081.214
Thu nhập khác	31	27	182.425.686	160.098.949
Chi phí khác	32	28	79.697.625	119.068.727
Lợi nhuận khác	40		102.728.061	41.030.222
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.155.903.741	6.415.111.436
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.774.298.823	1.411.324.516
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.381.604.918	5.003.786.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	-	-



Nghiêm Phú Hùng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
			30/06/2015	30/06/2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		17.155.903.741	6.415.111.436
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.917.238.703	2.695.857.407
Các khoản dự phòng	03		143.550.961	541.302.229
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(148.474.800)	19.513.474
Chi phí lãi vay	06		2.462.258.200	1.948.744.978
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.530.476.805	11.620.529.524
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(8.699.161.878)	14.025.465.487
(Tăng) hàng tồn kho	10		(27.956.299.475)	(8.662.901.799)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.026.435.393	(3.712.944.473)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(195.701.432)	65.324.932
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.462.258.200)	(1.913.151.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.573.373.072)	(714.915.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		44.000.000	35.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(258.341.000)	(141.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.455.777.141	10.600.957.237
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(665.757.535)	(189.554.083)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.200.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.840.744.000)	(4.376.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.641.467	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.668.860.068)	(183.930.083)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
			30/06/2015	30/06/2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		59.565.796.826	26.560.536.504
Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.744.052.888)	(34.806.466.426)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.264.844.447)	(679.773.747)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(250.909.091)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.305.990.400	(8.925.703.669)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		23.092.907.473	1.491.323.485
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	11.684.316.486	4.068.121.902
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	34.777.223.959	5.559.445.387



Nghiêm Phú Hùng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-8) 3710 0101

Fax : (84-8) 6251 9574

Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-004	Thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-006	Tổ 12, đường Lý Thái Tổ, Phường Yên Đỗ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia lai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 230 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2014 là 226 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồn kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

3.9 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

3.14 NGUỒN VỐN KINH DOANH

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận các khoản lãi.

3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.17 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực được áp dụng là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.19 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, các Công ty con cùng Tập đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.585.850.831	291.444.615
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.191.373.128	11.392.871.871
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	<u>34.777.223.959</u>	<u>11.684.316.486</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	51.591.127.441	(1.840.552.097)	41.239.970.921	(1.479.517.519)
- Công ty TNHH Chế Tạo Cơ Khí Hoàng Lâm	-	-	5.911.031.642	-
- Công ty TNHH Hiệp Hương	1.171.436.750	-	234.373.366	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Thiên Phát	437.801.135	(218.900.568)	437.801.135	(218.900.568)
- Cửa hàng An Hưng Phát	241.644.639	(190.151.246)	271.644.639	(190.151.246)
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	1.038.351.216	(726.845.851)	1.038.351.216	(519.175.608)
- Công ty TNHH Kim Nam An	139.828.005	(97.879.604)	139.828.005	(97.879.604)
- Cửa hàng VLXD Ba Tân	1.343.785.647	-	2.714.552	-
- Công ty TNHH Ngô Gia Nam	15.159.650	(10.611.755)	15.159.650	(7.579.825)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.533	(575.898.073)	822.711.533	(411.355.766)
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2.259.964.392	-	-	-
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Inox Doãn	1.826.171.087	-	2.612.555.408	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại SaNa	1.609.273.404	-	121.791.681	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Kim Thanh Long	1.946.738.685	-	1.086.147.114	-
- Cửa hàng Thu Hải	1.076.205.687	-	528.123.394	-
- Phú Yên - Đại lý Thành Long	20.265.000	(20.265.000)	20.265.000	-
- Các đối tượng khác	37.641.790.611	-	27.997.472.586	(34.474.902)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	51.591.127.441	(1.840.552.097)	41.239.970.921	(1.479.517.519)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.819.183.139	-	771.700	-
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	374.538.647	-	771.700	-
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	184.680.100	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2.259.964.392	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Khoản Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai vay ngắn hạn, số dư vay tại 30/06/2015 số tiền: 3.200.000.000 đồng với lãi suất vay 7%/năm.

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.400.969.798	-	1.647.370.464	-
- Phải thu người lao động	1.276.909.571	-	1.187.292.593	-
- Kỳ cược, ký quỹ	65.800.000	-	55.800.000	-
- Kinh phí công đoàn	24.464.610	-	60.000	-
- Bảo hiểm xã hội	95.809.049	-	55.533.782	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM - Thuế giá trị gia tăng chưa xuất hóa đơn	260.514.729	-	322.788.866	-
- Thuế GTGT của hàng mua đang đi đường chưa xuất hóa đơn	587.483.541	-	-	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	89.988.298	-	25.895.223	-
Dài hạn	589.068.000	-	388.770.000	-
- Kỳ cược, ký quỹ	589.068.000	-	388.770.000	-
	2.990.037.798	-	2.036.140.464	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	5.788.120.404	-	5.882.907.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.488.094.098	-	18.995.660.020	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.426.195.593	-	-	-
Thành phẩm	10.977.943.762	-	5.533.108.685	-
Hàng hóa	49.167.321.751	-	25.479.699.828	(217.483.617)
	83.847.675.608	-	55.891.376.133	(217.483.617)

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	660.931.974	224.833.031
- Chi phí trả trước về thuê kho	450.666.666	166.500.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	208.515.308	46.083.031
- Các khoản khác	1.750.000	12.250.000
Dài hạn	1.361.885.271	1.602.282.782
- Chi phí Công cụ dụng cụ	646.090.827	618.367.413
- Chi phí sửa chữa	361.512.229	521.192.843
- Chi phí mua bảo hiểm	76.596.002	58.402.895
- Các khoản khác	277.686.213	404.319.631
	<u>2.022.817.245</u>	<u>1.827.115.813</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	24.917.075.597	16.193.428.242	8.114.283.568	343.639.909	49.568.427.316
- Mua trong kỳ	-	159.858.280	-	-	159.858.280
30/06/2015	24.917.075.597	16.353.286.522	8.114.283.568	343.639.909	49.728.285.596
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	(3.091.656.419)	(7.806.258.576)	(3.747.060.183)	(243.322.737)	(14.888.297.915)
- Khấu hao trong kỳ	(484.948.956)	(904.490.191)	(541.769.580)	(29.403.591)	(1.960.612.318)
30/06/2015	(3.576.605.375)	(8.710.748.767)	(4.288.829.763)	(272.726.328)	(16.848.910.233)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	21.825.419.178	8.387.169.666	4.367.223.385	100.317.172	34.680.129.401
30/06/2015	21.340.470.222	7.642.537.755	3.825.453.805	70.913.581	32.879.375.363

Tại ngày 30/06/2015, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.031.553.489 đồng và 18.154.715.096 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015: 467.949.226 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN
 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
 Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày
 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2015	5.994.826.127	5.994.826.127
- Thuê tài chính trong kỳ	6.040.081.073	6.040.081.073
30/06/2015	<u>12.034.907.200</u>	<u>12.034.907.200</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2015	(499.480.327)	(499.480.327)
- Khấu hao trong kỳ	(529.202.111)	(529.202.111)
30/06/2015	<u>(1.028.682.438)</u>	<u>(1.028.682.438)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2015	<u>5.495.345.800</u>	<u>5.495.345.800</u>
30/06/2015	<u>11.006.224.762</u>	<u>11.006.224.762</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2015	36.756.600.444	278.960.000	37.035.560.444
30/06/2015	<u>36.756.600.444</u>	<u>278.960.000</u>	<u>37.035.560.444</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2015	(3.223.007.474)	-	(3.223.007.474)
- Khấu hao trong kỳ	(399.528.270)	(27.896.004)	(427.424.274)
30/06/2015	<u>(3.622.535.744)</u>	<u>(27.896.004)</u>	<u>(3.650.431.748)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2015	<u>33.533.592.970</u>	<u>278.960.000</u>	<u>33.812.552.970</u>
30/06/2015	<u>33.134.064.700</u>	<u>251.063.996</u>	<u>33.385.128.696</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Quyền sử dụng đất (*)	25.072.093.700	25.072.093.700
- Nhà máy mở rộng (**)	8.445.000.000	-
	33.517.093.700	25.072.093.700

(*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² Tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(**) Bao gồm: Quyền sử dụng đất giá trị 8.400.000.000 đồng và chi phí thiết kế dự toán số tiền 45.000.000 đồng.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Sơn Hà số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) tương đương 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000901682 đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Tại ngày 30/06/2015, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	97.540.259.409	97.540.259.409	62.611.303.969	62.611.303.969
- Công ty TNHH Posco VST	15.491.046.096	15.491.046.096	8.502.629.773	8.502.629.773
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2.539.170.938	2.539.170.938	2.527.803.138	2.527.803.138
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	69.557.232.376	69.557.232.376	50.605.627.771	50.605.627.771
- Các đối tượng khác	9.952.809.999	9.952.809.999	975.243.287	975.243.287
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	72.096.403.314	72.096.403.314	53.133.430.909	53.133.430.909
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2.539.170.938	2.539.170.938	2.527.803.138	2.527.803.138
	97.540.259.409	97.540.259.409	62.611.303.969	62.611.303.969

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.048.219.931		1.493.335.758		2.408.377.034		133.178.655	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	824.588.359		3.774.298.824		1.573.373.072		3.025.514.111	
- Thuế thu nhập cá nhân	141.302.311		162.815.351		226.381.177		77.736.485	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-		182.520		182.520		-	
- Các loại thuế khác	-		8.500.000		8.500.000		-	
	2.014.110.601		5.439.132.453		4.216.813.803		3.236.429.251	
	01/01/2015		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2015	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	146.253.861		1.888.534.306		1.886.184.897		143.904.452	
- Thuế xuất, nhập khẩu	8.588.619		137.164.770		137.164.773		8.588.622	
	154.842.480		2.025.699.076		2.023.349.670		152.493.074	

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.853.931.573	1.458.943.625
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	1.817.013.627	356.069.726
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	2.036.917.946	1.043.324.302
- Chi phí lãi vay	-	59.549.597
b) Dài hạn	-	-
	3.853.931.573	1.458.943.625

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.056.314.827	7.068.000
- Tài sản thừa chờ giải quyết	17.993.788	-
- Cổ tức phải trả	4.000.000.000	7.068.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.321.039	-
b) Dài hạn	268.200.000	238.100.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	268.200.000	238.100.000
	4.324.514.827	245.168.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	56.459.314.726	56.459.314.726	34.744.052.888	34.744.052.888	34.744.052.888	34.744.052.888
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hóm (1)	14.180.019.692	14.180.019.692	-	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà (Công ty con) (2)	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hàm Nghi (3)	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	38.479.295.034	38.479.295.034	28.744.052.888	28.744.052.888	28.744.052.888	28.744.052.888
b) Vay dài hạn	7.474.251.445	7.474.251.445	-	2.076.300.000	9.550.551.445	9.550.551.445
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1.876.251.445	1.876.251.445	-	2.076.300.000	3.952.551.445	3.952.551.445
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	1.622.000.000	1.622.000.000	1.866.000.000	1.866.000.000	3.488.000.000	3.488.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	254.251.445	254.251.445	210.300.000	210.300.000	464.551.445	464.551.445
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	5.598.000.000	5.598.000.000	-	-	5.598.000.000	5.598.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	5.598.000.000	5.598.000.000	-	-	5.598.000.000	5.598.000.000
c) Nợ thuế tài chính (7)	10.457.161.190	10.457.161.190	7.546.594.911	780.177.258	3.690.743.537	3.690.743.537
Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	346.051.478	346.051.478	-	780.177.258	1.126.228.736	1.126.228.736
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	10.111.109.712	10.111.109.712	7.546.594.911	-	2.564.514.801	2.564.514.801
	74.390.727.361	74.390.727.361	64.005.909.637	37.600.530.146	47.985.347.870	47.985.347.870

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 14/2015-HĐTDHM/NHCT944-SONHA giữa Công ty Cổ phần Son Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 12 với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
 - Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 15/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 và Ông Ngô Văn Thông – Bà Lê Thị Kim.
- (2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà là công ty con, với lãi suất cho vay 7%/năm.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hàm Nghi dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi. Khoản vay được bảo đảm bằng việc bảo lãnh vay bằng thế chấp quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh (trình bày tại thuyết minh số 13), và thế chấp hàng tồn kho luân chuyển bình quân gồm: nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa gửi bán thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Son Hà Sài Gòn và có giá trị 42.427.000.00 đồng.
- (4) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 0048/KH/12NH ngày 02/05/2012 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0048/KH/12NH ngày 15/08/2014, hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 01/12/2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.
- (5) Khoản vay theo hợp đồng cho vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ký ngày 28/05/2012 để hoàn vốn chủ sở hữu cho công ty cổ phần Son Hà Sài Gòn của dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh” với các điều khoản cụ thể:
- Tổng số tiền vay: 15.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh và các công trình văn phòng nhà xưởng gắn liền với đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (6) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 18010/HỆTD-TD/H/DN, số 18110/HỆTD-TD/H/DN, số 18210/HỆTD-TD/H/DN giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Chợ Lớn ngày 03/08/2010 với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 03/08/2010 đến ngày 03/08/2015;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;
 - Tài sản đảm bảo: 19 chiếc xe tải ISUZU chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 18010/HỆTC-TD/H/DN ngày 04/08/2010 giữa Công ty và ngân hàng, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 5.973.009.000 đồng.

- (7) Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận	Tổng cộng
	VND	VND	VND (*)	VND	VND
01/01/2014	80.000.000.000	628.549.005	314.274.502	14.237.021.793	95.179.845.300
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	10.139.725.347	10.139.725.347
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	220.878.353	110.439.177	(357.925.318)	(26.607.788)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
31/12/2014	80.000.000.000	849.427.358	424.713.679	21.618.821.822	102.892.962.859
01/01/2015	80.000.000.000	1.274.141.037	-	21.618.821.822	102.892.962.859
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	13.381.604.918	13.381.604.918
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	610.100.229	-	(4.987.783.600)	(4.377.683.371)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	610.100.229	-	(610.100.229)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(101.683.371)	(101.683.371)
+ Chia cổ tức 2014	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
30/06/2015	80.000.000.000	1.884.241.266	-	30.012.643.139	111.896.884.405

(*) Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, không còn khoản mục Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Tại 01/01/2015, Công ty đã kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CỐ PHIẾU

	30/06/2015	01/01/2015
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

20.3 CÁC QUỸ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.884.241.266	1.274.141.037

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
	30/06/2015	30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu	262.653.858.034	209.617.604.752
Doanh thu bán hàng hóa	158.524.137.641	128.144.305.594
Doanh thu bán thành phẩm	104.129.720.393	81.473.299.158
Doanh thu với các bên liên quan	6.431.700.736	10.153.134.036
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	4.209.296.655	9.445.167.036
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	167.891.000	707.967.000
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2.054.513.081	-

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
	30/06/2015	30/06/2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.541.393.888	746.430.530
Giảm giá hàng bán	3.025.306.362	292.394.212
	<u>9.566.700.250</u>	<u>1.038.824.742</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	132.561.970.826	115.424.443.753
Giá vốn của thành phẩm đã bán	69.302.090.947	63.446.942.951
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(217.483.617)	-
	<u>201.646.578.156</u>	<u>178.871.386.704</u>

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	149.064.642	26.464.017
Lãi chênh lệch tỷ giá	52.258.406	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.815.900	-
	<u>203.138.948</u>	<u>26.464.017</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	2.462.258.200	1.948.744.978
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.948.763	-
	<u>2.473.206.963</u>	<u>1.948.744.978</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	7.076.366.569	7.112.119.787
Chi phí nhân viên	3.496.572.255	3.609.824.655
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	320.928.567	256.735.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.099.923.486	881.507.272
Chi phí dự phòng	361.034.578	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.449.556.588	321.439.726
Chi phí khác	348.351.095	2.042.612.837
Các khoản chi phí bán hàng	25.040.969.364	14.298.911.344
Chi phí nhân viên	8.683.452.920	5.629.224.800
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.269.406.936	516.003.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.539.041.214	533.915.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.899.097.080	5.670.152.732
Chi phí khác	5.649.971.214	1.949.614.423

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN
 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
 Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày
 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	10.000.000
Thu tiền cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.985
Các khoản khác	102.703.746	70.376.964
	182.425.686	160.098.949

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	29.513.474
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	79.611.804	79.611.804
Xử lý hàng thiếu	-	9.235.853
Các khoản chi phí khác	85.821	707.596
	79.697.625	119.068.727

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.155.903.741	6.415.111.436
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế		
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	17.155.903.741	6.415.111.436
Thuế suất	22%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	3.774.298.823	1.411.324.516
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.774.298.823	1.411.324.516

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	72.580.714.109	66.639.935.985
Chi phí nhân công	14.229.474.295	11.090.181.355
Khấu hao tài sản cố định	4.102.541.253	2.695.857.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.088.694.712	6.161.286.567
Chi phí bằng tiền khác	6.359.356.887	4.576.884.095
	<u>105.360.781.256</u>	<u>91.164.145.409</u>

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.18.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.777.223.959	11.684.316.486
Các khoản cho vay	3.200.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.335.983.739	41.710.436.144
Đầu tư dài hạn	5.000.000.000	1.159.256.000
Cộng	<u>95.313.207.698</u>	<u>54.554.008.630</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	74.390.727.361	47.985.347.870
Phải trả người bán và phải trả khác	101.808.459.409	62.856.471.969
Chi phí phải trả	3.853.931.573	1.458.943.625
Cộng	<u>180.053.118.343</u>	<u>112.300.763.464</u>
Trạng thái ròng	<u>(84.739.910.645)</u>	<u>(57.746.754.834)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2015 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	58.681.617.649	15.709.109.712	74.390.727.361
Phải trả người bán và phải trả khác	101.540.259.409	268.200.000	101.808.459.409
Chi phí phải trả	3.853.931.573	-	3.853.931.573
Cộng	164.075.808.631	15.977.309.712	180.053.118.343
01/01/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	39.822.833.069	8.162.514.801	47.985.347.870
Phải trả người bán và phải trả khác	62.618.371.969	238.100.000	62.856.471.969
Chi phí phải trả	1.458.943.625	-	1.458.943.625
Cộng	103.900.148.663	8.400.614.801	112.300.763.464

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.777.223.959	-	-	34.777.223.959
Các khoản cho vay	-	3.200.000.000	-	3.200.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.746.915.739	589.068.000	-	52.335.983.739
Đầu tư dài hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	86.524.139.698	3.789.068.000	5.000.000.000	95.313.207.698
01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.684.316.486	-	-	11.684.316.486
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.321.666.144	388.770.000	-	41.710.436.144
Đầu tư dài hạn	-	-	1.159.256.000	1.159.256.000
Cộng	53.005.982.630	388.770.000	1.159.256.000	54.554.008.630

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Tổng cộng (Giá trị ghi số)			Không quá hạn			Quá hạn			Tổng
	VND	Bị suy giảm giá trị	VND	Không bị suy giảm giá trị	VND	Tổng	Dưới 1 năm		VND	
							Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị		
30/06/2015										
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.777.223.959	-	34.777.223.959	34.777.223.959	-	34.777.223.959	-	-	-	-
Các khoản cho vay	3.200.000.000	-	3.200.000.000	3.200.000.000	-	3.200.000.000	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	52.335.983.739	-	49.576.012.659	49.576.012.659	-	49.576.012.659	-	2.759.971.080	-	2.759.971.080
Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-	-	-
	95.313.207.698	-	92.553.236.618	92.553.236.618	-	92.553.236.618	-	2.759.971.080	-	2.759.971.080
01/01/2015										
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.684.316.486	-	11.684.316.486	11.684.316.486	-	11.684.316.486	-	-	-	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	41.710.436.144	-	38.950.465.064	38.950.465.064	-	38.950.465.064	-	2.759.971.080	-	2.759.971.080
Đầu tư dài hạn khác	1.159.256.000	-	1.159.256.000	1.159.256.000	-	1.159.256.000	-	-	-	-
	54.554.008.630	-	51.794.037.550	51.794.037.550	-	51.794.037.550	-	2.759.971.080	-	2.759.971.080

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
 Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày
 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị suy giảm

	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
30/06/2015			
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.759.971.080	1.840.552.097	919.418.983
	2.759.971.080	1.840.552.097	919.418.983
01/01/2015			
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.759.971.080	1.479.517.519	1.280.453.561
	2.759.971.080	1.479.517.519	1.280.453.561

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại + USD	102,82	102,70

33.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	20.019.262.891	1.470.407.193
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	11.619.262.891	1.470.407.193
- Mua quyền sở hữu đất phục vụ xây dựng nhà máy chưa thanh toán	8.400.000.000	-
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	59.565.796.826	26.560.536.504
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	59.565.796.826	26.560.536.504
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	34.744.052.888	34.806.466.426
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34.744.052.888	34.806.466.426

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh thương mại Vinaconex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị Kiên Hưng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Một số thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty là thành viên trong Ban điều hành Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	678.693.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	573.390.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	105.303.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	171.239.400.992	128.257.864.786
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	171.099.111.782	128.117.575.530
Đi thuê tài sản	60.567.270	60.567.271
Cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.985
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	12.718.799.000	10.719.243.364
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	12.718.799.000	10.011.276.364
Bán tài sản cố định	-	707.967.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	139.828.652.569	113.258.505.215	253.087.157.784
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.828.652.569	113.258.505.215	253.087.157.784
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.876.876.820	7.563.702.808	51.440.579.628
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(32.117.335.933)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			19.323.243.695
Doanh thu hoạt động tài chính			203.138.948
Chi phí tài chính			(2.473.206.963)
Thu nhập khác			182.425.686
Chi phí khác			(79.697.625)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.774.298.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.381.604.918
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			9.020.757.535
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			4.546.496.518

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn,
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	113.196.001.981	95.382.778.029	208.578.780.010
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.196.001.981	95.382.778.029	208.578.780.010
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.055.043.284	6.652.350.022	29.707.393.306
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(21.411.031.131)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.296.362.175
Doanh thu hoạt động tài chính			26.464.017
Chi phí tài chính			(1.948.744.978)
Thu nhập khác			160.098.949
Chi phí khác			(119.068.727)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.411.324.516)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.003.786.920
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.925.083.183
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			2.996.376.169

33.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.



Nghiêm Phú Hùng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2015

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập